TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm – Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tạo
2. Ông Nguyễn Bá Tòng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2017/TLST- HNGĐ, ngày 16/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:13/2018/QĐST- HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị D, sinh năm 1988
Địa chỉ: 16, ấp Phú T, xã Phú L, huyện C, Đồng Tháp.
Tạm trú: 175, ấp Long T, xã Hòa L, huyện L, Đồng Tháp.
Bị đơn: Võ Hữu T, sinh năm 1980 (vắng)
Địa chỉ: 16, ấp Phú T, xã Phú L, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23/9/2017 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị D và anh Võ Hữu T kết hôn ngày 19/6/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau kết hôn chị D và anh T sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẩn do anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, cờ bạc; mâu thuẩn đỉnh điểm nhất giữa chị với anh T là cuối năm 2014 sau khi uống rượu say anh T kiếm chuyện và dùng dao chém chị nên chị phải bỏ việc ở Bình Dương về sống với cha mẹ ở Hòa Long và ly thân với anh T cho đến nay.

Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* chị và anh T chung sống với nhau có 03 con chung tên Võ Thị Yến Nsinh ngày 28/8/2006, Võ Thị Bình Nhi và Võ Thị An Nhi cùng sinh ngày 29/11/2009, các con đang sinh sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi các con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

Bị đơn anh Võ Hữu T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con của chị D và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn Võ Hữu T không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Võ Hữu T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị D được nuôi 03 con chung tên Võ Thị Yến Nhi, Võ Thị Bình Nhi và Võ Thị An Nhi. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xen xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị D và anh Võ Hữu T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Võ Hữu T nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Võ Hữu T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D trình bày anh T thường xuyên uống rượu, cờ bạc, có lần anh T dùng dao chém chị D; đây là hành vi bạo lực gia đình, vi phạm

nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên chị D đã về sinh sống với cha mẹ đẻ ở xã Hòa Long và ly thân với anh T từ cuối năm 2014 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị D với anh T đã không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] *Về con chung:* chị D yêu cầu được nuôi 03 con chung tên Võ Thị Yến Nsinh ngày 28/8/2006, Võ Thị Bình Nhi và Võ Thị An Nhi cùng sinh ngày 29/11/2009. Xét thấy, hiện nay Yến Nhi, Bình Nhi và An Nhi đã sống ổn định với chị D; nguyện vọng của các con là muốn được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi con thì chị D có điều kiện nuôi dạy con tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* do anh T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] *Về án phí:* chị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Võ Hữu T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao các cháu Võ Thị Yến N sinh ngày 28/8/2006, Võ Thị Bình Nhi và Võ Thị An Nhi cùng sinh ngày 29/11/2009 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (chị D đang nuôi con). Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị D và các thành viên trong gia đình của chị D không được cản trở anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* do anh T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

4. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp ngày 16/10/2017 theo biên lai số 12242 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị D phải nộp.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. C
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm